

Số: 293/2019/QĐST-HNGĐ

TP Thái Nguyên, ngày 07 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 333/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức S, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Trại giam N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: SN C, đường Q, tổ B, phường QT, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đức S và chị Nguyễn Thị Thanh V

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức S và chị Nguyễn Thị Thanh V nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định có hai con chung, tên Nguyễn

Việt T, sinh ngày 13/02/1999 và Nguyễn Thanh TH, sinh ngày 13/7/2003. Sau khi ly hôn anh S và chị V thỏa thuận, chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh TH, sinh ngày 13/7/2003, đến khi cháu TH thành niên (đủ 18 tuổi); cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/02/1999, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S và chị V thỏa thuận, anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thanh TH, sinh ngày 13/7/2003 mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), đến khi cháu TH thành niên (đủ 18 tuổi);

Kể từ ngày chị Vân có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh S không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì anh S còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

- **Về tài sản chung:** Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh S tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001617 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường Gia Cẩm, TP Việt Trì;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quý My

